

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày 12/01/2022 của Sở GTVT)

DVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Tiết kiệm 10%	Dự toán được giao sử dụng
A	Dự toán thu	16.941.000	0	16.941.000
1	Thu phí, lệ phí	13.941.000	0	13.941.000
	Thu phí	7.170.000	0	7.170.000
	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp GPLX mô tô (tại TTSHLX loại 1,2)	70.000		70.000
	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp GPLX mô tô (tại TTSHLX loại 3)	200.000		200.000
	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp GPLX mô tô (tại sân bãi)	1.200.000		1.200.000
	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp GPLX ô tô	5.000.000		5.000.000
	Phí thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	0		0
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	700.000		700.000
	Thu lệ phí	6.771.000	0	6.771.000
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe	6.750.000		6.750.000
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới	10.000		10.000
	Lệ phí đăng ký, cấp GCN biển xe máy chuyên dùng	10.000		10.000
	Lệ phí đăng ký, cấp GCN đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.000		1.000
2	Thu phạt vi phạm hành chính	3.000.000	0	3.000.000
B	Dự toán chi			
B1	Dự toán chi từ nguồn thu được để lại	6.340.000	0	6.340.000
I	Chi nhiệm vụ thường xuyên tự chủ	6.340.000	0	6.340.000
a	Chi trả cho các Trung tâm sát hạch	4.296.000		4.296.000
b	Trích 40% CCTL	818.000		818.000
c	Chi quản lý hành chính tại Sở	1.034.000	0	1.034.000
d	Trích CCTL + các Quỹ	192.000	0	192.000
II	Chi nộp NSNN	7.601.000	0	7.601.000
1	Phí	830.000		830.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Tiết kiệm 10%	Dự toán được giao sử dụng
A	Dự toán thu	16.941.000	0	16.941.000
2	Lệ phí	6.771.000		6.771.000
B2	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.186.000	323.000	17.863.000
I	Chi quản lý hành chính	18.186.000	323.000	17.863.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.992.000	198.000	6.794.000
1.1	<i>Tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương (Tổng Quỹ lương 5,809 tỷ: trong đó NS cấp 5,009 tỷ; nguồn CCTL tại đơn vị 800 triệu đồng)</i>	5.009.000		5.009.000
1.2	<i>Chi thường xuyên (bao gồm lương Hợp đồng theo ND 68/2000)</i>	1.983.000	198.000	1.785.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.194.000	125.000	11.069.000
2.1	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn	10.545.000	98.000	10.447.000
2.1.1	Chi cho công tác cấp, đổi giấy phép lái xe, đăng ký xe máy chuyên dùng, phù hiệu xe	2.941.000	14.000	2.927.000
2.1.2	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	840.000	84.000	756.000
2.1.3	Hoàn ứng kinh phí cấp tạm ứng để bù chi công tác thu lệ phí nộp NS theo QĐ 3608/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	6.764.000	0	6.764.000
2.2	Chi mua sắm	499.000	12.000	487.000
	- Trang phục ngành Thanh tra	109.000	0	109.000
	- Máy vi tính để bàn (02 bộ x 15tr)	30.000	3.000	27.000
	- Máy Photocopy	90.000	9.000	81.000
	- Mua mới 01 bộ máy in GPLX Dataxard SR300	270.000	0	270.000
2.3	Chi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất	150.000	15.000	135.000
	- Sửa chữa xe ô tô	150.000	15.000	135.000